

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 652/2020/QĐST-HNGĐ

B, Ngày 02 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 396, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 54, 55, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 631/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Trần Thu A**, sinh năm 1970

- Ông **Phạm Nam D**, sinh năm 1972

Cùng hộ khẩu thường trú và nơi ở : Số 459 phố K, phường N, quận B, thành phố H.

XÉT THẤY:

Ông Phạm Nam D và bà Trần Thu A kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 29/04/1997 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố H (Giấy chứng nhận kết hôn số 83), đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Về quan hệ hôn nhân** ông Phạm Nam D và bà Trần Thu A thống nhất thuận tình ly hôn.

2. **Về con chung:** Ông bà có hai con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 12/08/1997 và Phạm Xuân T, sinh ngày 23/03/1999. Cả hai con chung đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

3. **Về tài sản chung và nhà ở:** Ông bà cùng thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. **Về các khoản vay nợ:** Ông bà không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả.

II. Về lệ phí: Bà Trần Thu A tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình. Xác nhận bà A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024968 ngày 13 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố H.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoài Phương